

Bản số: 16/2019/HNGS-ST

Ngày 21-06-2019

V/v "*Tranh chấp
hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

2. Ông Nguyễn Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2019/TLST- HNGĐ ngày 09/4/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Giáp Thị L, sinh năm 1997(có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Kim Tràng, xã Việt lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Phùng Huy Q, sinh năm 1991(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đoàn Kết 1, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 01/4/2019, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Giáp Thị L trình bày:

Chị và anh Phùng Huy Q kết hôn năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau tại thôn Đoàn Kết 1, xã Nhã Nam. Ban đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 12/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, có đánh chửi nhau và anh Q có đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ đó, chị ở với mẹ đẻ và hai vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phùng Quang Vinh, sinh ngày 04/9/2018, hiện cháu Vinh đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, giải quyết con chung, bổ sung yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng chị yêu cầu theo quy định của pháp luật. Hiện chị đang làm công nhân tại công ty điện tử Hồng Hải thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2019, anh Phùng Huy Q khai như sau:

Anh và chị Giáp Thị L kết hôn ngày 21/6/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam, huyện Tân Yên. Sau khi cưới, chị L về làm dâu gia đình anh ngay, vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ anh tại thôn Đoàn Kết 1, xã Nhã Nam. Vợ chồng chung sống được khoảng 01 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống và mâu thuẫn về tình cảm vợ chồng. Chị L thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, không liên lạc về nhà. Từ tháng 12/2018 cho đến nay, anh và chị L sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L có đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Phùng Quang Vinh, sinh ngày 04/9/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị L. Ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phùng Huy Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Toà án cũng đã tiến hành mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí, nhưng anh Q từ bỏ Q lợi của mình và đều không tiến hành hòa giải được do anh Q vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị L, bị đơn anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a Khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị L được ly hôn với anh Phùng Huy Q.

Về con chung: Tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng con chung là Phùng Quang Vinh, sinh ngày 04/9/2018. Anh Phùng Huy Q phải cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị L là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung và Q kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm Q: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị L và anh Q thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm Q theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về tố tụng: Anh Phùng Huy Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

* Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung, yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn chị Giáp Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị L và anh Q xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam, huyện Tân Yên làm phát sinh Q, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh Q có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau. Tại biên bản lấy lời khai của chị L và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Q, Tòa án thông báo hòa giải anh Q cũng không đến để Tòa án hòa giải. Hai vợ chồng chị L, anh Q ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị L có đơn xin ly hôn thì anh Q nhất trí. Xét mâu thuẫn giữa chị L, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh Q đều xác nhận có 01 con chung là Phùng Quang Vinh, sinh ngày 04/9/2018. Từ nhỏ đến nay cháu Vinh ở với chị L, ly hôn, chị L nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh Q tại biên bản lấy lời khai cũng thừa nhận con chung đang ở với chị L và đồng ý để cho chị L tiếp tục nuôi con chung. Hiện chị L đang làm ở công ty điện tử Hồng Hải, thu nhập trung bình một tháng là 7.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L và giao cháu Vinh cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Vinh vì cháu Vinh còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Sau khi ly hôn, anh Phùng Huy Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện Q, nghĩa vụ này.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị L bổ sung yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị kể từ tháng

7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về mức yêu cầu cấp dưỡng chị L đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chị L đang làm ở công ty điện tử Hồng Hải, thu nhập trung bình một tháng là 7.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019 đối với anh Phùng Huy Q và biên bản làm việc ngày 23/5/2019 đối với bà Đỗ Thị Thế là mẹ đẻ của anh Q, ông Nguyễn Văn Dũng là trưởng thôn Đoàn Kết 1 đều xác định anh Q làm nghề tự do, thu nhập khoảng 5.000.000-6.000.000 đồng/tháng. Do vậy, chị L và anh Q đều có thu nhập, xét thấy cần chấp nhận mức cấp dưỡng trung bình là 1.000.000 đồng/01tháng là phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị L và anh Q xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị L được ly hôn anh Phùng Huy Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phùng Quang Vinh, sinh ngày 04/9/2018. Anh Phùng Huy Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Phùng Huy Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện Q, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí: Chị Giáp Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002443 ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Giáp Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phùng Huy Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Q kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Nhã Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 6 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Ông Nguyễn Quang Thanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

* Nguyên đơn: Chi Giáp Thi L, sinh năm 1997(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Kim Tràng, xã Việt lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn: Anh Phùng Huy Q, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đoàn Kết 1, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị L được ly hôn anh Phùng Huy Q.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chung:

Giao cho chị Giáp Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phùng Quang Vinh, sinh ngày 04/9/2018. Anh Phùng Huy Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Phùng Huy Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện Q, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí:

Chị Giáp Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002443 ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Giáp Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phùng Huy Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Q kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân